

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017-2018

Bậc đào tạo: Trung cấp

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
KHÓA 2015 TCCN (9+3)																					
1	15TC-Đ	12		8	4	0	0.00	0	0.00	3	25.00	5	41.67	3	25.00	0	0.00	1	8.33	0	
2	15TC-NL	5		3	2	0	0.00	1	20.00	0	0.00	2	40.00	2	40.00	0	0.00	0	0.00	0	
3	15TC-Ô	14		10	4	0	0.00	0	0.00	2	14.29	4	28.57	3	21.43	5	35.71	0	0.00	0	
4	15TC-QTM	13	4	10	3	0	0.00	1	7.69	4	30.77	2	15.38	3	23.08	2	15.38	1	7.69	0	
TỔNG: 2015		44	4	31	13	0	0.00	2	4.55	9	20.45	13	29.55	11	25.00	7	15.91	2	4.55	0	
KHÓA 2016 TCCN (9+3)																					
1	16TC-Ô1	50		36	14	0	0.00	0	0.00	4	8.00	7	14.00	21	42.00	12	24.00	6	12.00	16	
2	16TC-MTT	30	28	25	5	0	0.00	2	6.67	3	10.00	9	30.00	13	43.33	2	6.67	1	3.33	2	
3	16TC-QTM	32	2	27	5	0	0.00	2	6.25	2	6.25	4	12.50	12	37.50	11	34.38	1	3.13	7	
TỔNG: 2016		112	30	88	24	0	0.00	4	3.57	9	8.04	20	17.86	46	41.07	25	22.32	8	7.14	25	
CỘNG TCCN(9+3)		156	34	119	37	0	0.00	6	3.85	18	11.54	33	21.15	57	36.54	32	20.51	10	6.41	25	
KHÓA 2016 TCCN (12+2)																					
1	16TN-Đ	27		8	19	0	0.00	0	0.00	2	7.41	6	22.22	13	48.15	6	22.22	0	0.00	0	
	16TCT-Đ	6		0	6	0	0.00	0	0.00	3	50.00	3	50.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
2	16TCT-Ô1	17		9	8	0	0.00	0	0.00	8	47.06	8	47.06	0	0.00	1	5.88	0	0.00	7	
3	16TN-Ô	8		1	7	0	0.00	2	25.00	1	12.50	5	62.50	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	
	16TCT-Ô2	15		7	8	0	0.00	0	0.00	0	0.00	14	93.33	1	6.67	0	0.00	0	0.00	3	
4	16TN-QTM	1		0	1	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	100.0	0	0.00	0	0.00	0	
	16TCT-QTM	20	2	14	6	0	0.00	0	0.00	2	10.00	3	15.00	6	30.00	9	45.00	0	0.00	4	
TỔNG: 2016		94	2	39	55	0	0.00	2	2.13	16	17.02	39	41.49	21	22.34	16	17.02	0	0.00	16	

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
KHÓA 2015 TCN (9+4)																					
1	15TCN-Đ	21		17	4	0	0.00	0	0.00	2	9.52	2	9.52	7	33.33	0	0.00	10	47.62	0	
2	15TCN-ĐT	26		22	4	0	0.00	4	15.38	3	11.54	13	50.00	3	11.54	3	11.54	0	0.00	0	
3	15TCN-LĐL	31		29	2	0	0.00	0	0.00	9	29.03	11	35.48	10	32.26	0	0.00	1	3.23	0	
4	15TCN-CKL	10		9	1	0	0.00	1	10.00	0	0.00	2	20.00	7	70.00	0	0.00	0	0.00	5	
5	15TCN-Ô1	42		34	8	0	0.00	0	0.00	6	14.29	3	7.14	24	57.14	4	9.52	5	11.90	0	
6	15TCN-MTT	19	16	14	5	0	0.00	0	0.00	3	15.79	1	5.26	3	15.79	11	57.89	1	5.26	3	
7	15TCN-QTM1	54	6	53	1	0	0.00	0	0.00	5	9.26	14	25.93	28	51.85	7	12.96	0	0.00	10	
8	15TCN-KTD	24	18	24	0	1	4.17	1	4.17	10	41.67	8	33.33	4	16.67	0	0.00	0	0.00	0	
TỔNG: 2015		227	40	202	25	1	0.44	6	2.64	38	16.74	54	23.79	86	37.89	25	11.01	17	7.49	18	
KHÓA 2016 TCN (9+4)																					
1	16TCN-Đ	42		28	14	0	0.00	3	7.14	4	9.52	11	26.19	19	45.24	5	11.90	0	0.00	0	
2	16TCN-ĐT	34		30	4	2	5.88	2	5.88	5	14.71	12	35.29	6	17.65	4	11.76	3	8.82	0	
3	16TCN-LĐL1	46		40	6	0	0.00	0	0.00	1	2.17	13	28.26	26	56.52	5	10.87	1	2.17	8	
4	16TCN-CKL	37	1	26	11	0	0.00	0	0.00	3	8.11	6	16.22	18	48.65	10	27.03	0	0.00	2	
5	16TCN-Ô1	39		26	13	0	0.00	2	5.13	1	2.56	3	7.69	17	43.59	13	33.33	3	7.69	0	
6	16TCN-Ô2	46		37	9	0	0.00	2	4.35	3	6.52	9	19.57	18	39.13	10	21.74	4	8.70	0	
7	16TCN-QTM1	42	4	39	3	0	0.00	0	0.00	3	7.14	4	9.52	14	33.33	15	35.71	6	14.29	9	
8	16TCN-QTM2	26	1	20	6	0	0.00	0	0.00	2	7.69	4	15.38	9	34.62	11	42.31	0	0.00	17	
9	16TCN-KTD	26	25	23	3	0	0.00	3	11.54	8	30.77	12	46.15	2	7.69	1	3.85	0	0.00	9	
10	16TCN-QTD	37	29	28	9	0	0.00	1	2.70	6	16.22	10	27.03	12	32.43	7	18.92	1	2.70	10	
TỔNG: 2016		375	60	297	78	2	0.53	13	3.47	36	9.60	84	22.40	141	37.60	81	21.60	18	4.80	55	
CỘNG TCN		602	100	499	103	3	0.50	19	3.16	74	12.29	138	22.92	227	37.71	106	17.61	35	5.81	73	

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
KHÓA 2017 Trung cấp (1N3_2017)																					
1	17T2-ĐCN1	27		12	15	0	0.00	1	3.70	2	7.41	13	48.15	10	37.04	1	3.70	0	0.00	0	
2	17T2-QTM1	41	3	26	15	0	0.00	0	0.00	0	0.00	8	19.51	19	46.34	14	34.15	0	0.00	2	
TỔNG: 2017T2		68	3	38	30	0	0.00	1	1.47	2	2.94	21	30.88	29	42.65	15	22.06	0	0.00	2	
KHÓA 2017 Trung cấp (3N_2017)																					
1	17T4-ĐCN1	42	1	31	11	0	0.00	1	2.38	2	4.76	1	2.38	20	47.62	16	38.10	2	4.76	2	
2	17T4-ĐCN2	42		30	12	0	0.00	2	4.76	4	9.52	8	19.05	19	45.24	5	11.90	4	9.52	0	
3	17T4-ĐĐT1	63	1	56	7	0	0.00	0	0.00	1	1.59	6	9.52	41	65.08	12	19.05	3	4.76	0	
4	17T4-ĐTC1	44	2	34	10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	19	43.18	20	45.45	5	11.36	0	
5	17T4-LĐL1	42		39	3	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4	9.52	34	80.95	3	7.14	1	2.38	0	
6	17T4-LĐL2	43		35	8	0	0.00	0	0.00	1	2.33	9	20.93	24	55.81	8	18.60	1	2.33	0	
7	17T4-CNL1	49		39	10	0	0.00	0	0.00	2	4.08	4	8.16	32	65.31	11	22.45	0	0.00	9	
8	17T4-CKL1	36		27	9	0	0.00	0	0.00	1	2.78	1	2.78	10	27.78	19	52.78	5	13.89	0	
9	17T4-CCK1	52		42	10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	3.85	20	38.46	25	48.08	5	9.62	0	
10	17T4-CCK2	50		37	13	0	0.00	0	0.00	1	2.00	23	46.00	23	46.00	2	4.00	1	2.00	0	
11	17T4-CNÔ1	55		45	10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	7	12.73	32	58.18	14	25.45	2	3.64	1	
12	17T4-CNÔ2	58		47	11	0	0.00	0	0.00	3	5.17	5	8.62	30	51.72	13	22.41	7	12.07	0	
13	17T4-CNÔ3	58		47	11	0	0.00	0	0.00	3	5.17	17	29.31	30	51.72	3	5.17	5	8.62	0	
14	17T4-CNÔ4	52		42	10	0	0.00	0	0.00	1	1.92	6	11.54	25	48.08	19	36.54	1	1.92	3	
15	17T4-CNM1	49	39	37	12	0	0.00	0	0.00	1	2.04	9	18.37	32	65.31	6	12.24	1	2.04	0	
16	17T4-LTM1	70	8	57	13	0	0.00	0	0.00	7	10.00	12	17.14	33	47.14	4	5.71	14	20.00	0	
17	17T4-CMT1	54		46	8	0	0.00	0	0.00	3	5.56	2	3.70	22	40.74	16	29.63	11	20.37	0	
18	17T4-QTM1	39	2	35	4	0	0.00	1	2.56	4	10.26	9	23.08	23	58.97	2	5.13	0	0.00	6	
19	17T4-QTM2	43	2	35	8	0	0.00	0	0.00	1	2.33	2	4.65	17	39.53	15	34.88	8	18.60	0	

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
20	17T4-TKW1	29		27	2	0	0.00	0	0.00	1	3.45	2	6.90	19	65.52	7	24.14	0	0.00	2
21	17T4-THU1	70	22	59	11	0	0.00	0	0.00	3	4.29	3	4.29	38	54.29	26	37.14	0	0.00	8
22	17T4-KTD1	55	46	49	6	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4	7.27	35	63.64	10	18.18	6	10.91	0
23	17T4-QTD1	73	32	57	16	0	0.00	1	1.37	2	2.74	12	16.44	31	42.47	6	8.22	21	28.77	0
24	17T4-NNA1	47	24	44	3	0	0.00	0	0.00	6	12.77	20	42.55	10	21.28	10	21.28	1	2.13	2
25	17T4-NNA2	47	20	46	1	1	2.13	0	0.00	7	14.89	14	29.79	9	19.15	13	27.66	3	6.38	0
TỔNG: 2017T4		1262	199	1043	219	1	0.08	5	0.40	54	4.28	182	14.42	628	49.76	285	22.58	107	8.48	33
TỔNG BẠC TC		2.182	338	1.738	444	4	0.18	33	1.51	164	7.52	413	18.93	962	44.09	454	20.81	152	6.97	149

* Ghi chú: Tổng số Học sinh Trung cấp = 2.331 HS. Trong đó có 149 HS không xếp loại. Lý do: Nghi học không nộp tờ đánh giá rèn luyện cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2018

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh